

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1-MÔN NGỮ VĂN 12
NĂM HỌC 2024-2025

PHẦN I: Khung ma trận

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câ u	Cấp độ tư duy							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %	
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%	
I	Năng lực đọc	Văn bản đọc hiểu: + Văn bản truyện + Văn bản thơ + Văn bản nghị luận xã hội	4	2	15%	1	15%	1	10%		
II	Năng lực viết	Nghị luận xã hội/Nghị luận văn học	1	5%		5%		10%			20%
		Nghị luận xã hội/Nghị luận văn học	1	7,5%		10%		17,5%			40%
Tỉ lệ %				27,5%		35%		37,5%		100 %	
Tổng			7	100%							

PHẦN II. Tổng hợp yêu cầu cần đạt và tri thức cần nắm được

Bài 1

KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

***Yêu cầu cần đạt**

-Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật....

- Phân tích được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu và mối quan hệ của chúng trong tình cảnh thể của tác phẩm tiểu thuyết, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện,
- Biết trình bày (dưới hình thức nói) kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Biết xây dựng các chuẩn mực giá trị trong cuộc sống; hiểu và đồng cảm với những nỗi buồn thể hiện nhân tính và khát vọng hướng tới sự hoàn thiện của con người.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Tiểu thuyết hiện đại

Tiểu thuyết là loại tác phẩm tự sự quy mô lớn, có khả năng thể hiện các nội dung đa dạng và bao quát một phạm vi hiện thực rất rộng, trải ra trên nhiều không gian, thời gian khác nhau nhưng dành sự chú ý đặc biệt cho đời tư hay số phận của con người cá nhân. Từ những hình thái đầu tiên xuất hiện ở thời cổ đại, tiểu thuyết phát triển theo nhiều hướng khác nhau, tùy thuộc vào những tiền đề lịch sử, xã hội, văn hoá, thẩm mỹ nhất định. Đến thời cận đại, hiện đại, tiểu thuyết đạt được bước tiến lớn, trở thành một thể loại chính của đời sống văn học và tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi, phát triển của nhiều thể loại khác.

Tiểu thuyết hiện đại là loại tiểu thuyết thể hiện một cách tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa. Trong tiểu thuyết hiện đại, giữa các xu hướng tìm tòi khác nhau có khoảng cách rất lớn. Điều này làm cho việc xác định diện mạo tiểu thuyết hiện đại trở nên phức tạp.

Tuy nhiên, nếu tạm bỏ qua những nét quá đặc biệt của từng xu hướng, có thể nói đến các đặc điểm lớn sau của tiểu thuyết hiện đại:

- Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư quan tâm đến cái thường ngày, cái đang diễn biến với cách tiếp cận gần gũi, không lí tưởng hoá hiện thực.
- Nhân vật là "con người ném trái", không bất biến, có quá trình phát triển nhau khi quanh co, phức tạp về tính cách, tâm lí
- Có kết cấu nhiều tầng lớp tuyến tính hoặc phi tuyến tính, có sự đan xen của nhiều bộ ngôn ngữ, phản ánh sự tồn tại, xung đột thường xuyên giữa các ý thức xã hội.
- Có khả năng tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của các thể loại văn học khác để hình thức luôn ở trong trạng thái biến đổi không ngừng.

Phong cách hiện thực

Phong cách hiện thực là phong cách nghệ thuật chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người, quan tâm miêu tả một cách chi tiết, "như thật" những hình ảnh phong phú, phức tạp của hiện thực cuộc sống, thường loại trừ sự "tô vẽ" hay lí tưởng hoá. Phong cách này có lịch sử phát triển lâu dài, tồn tại trong các sáng tác thuộc nhiều thể loại khác nhau của văn học, nghệ thuật như: thơ, truyện (bao gồm tiểu thuyết), kí, kịch, tác phẩm tạo hình... Trong văn học, phong cách hiện thực đạt đến đỉnh cao với những sáng tác thuộc trường phái hiện thực mà các đại diện tiêu biểu là 5. Đích-ken (Ch. Dickens - Anh), H. đờ Ban-dắc (H. de Balzac Pháp), L. Tôn-xtôi (L. Tolstoy - Nga), Ph. Đốt-xtôi-ép-xki (F. Dostoyevsky - Nga), Lỗ Tấn (Trung Quốc),... Trong văn học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX, phong cách hiện thực gắn với tên tuổi và sáng tác của các nhà văn như Ngô Tất Tố, Nguyên Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao Phong cách hiện thực thường được đặt trong tương quan so sánh, đối lập với phong cách lãng mạn - một phong cách ưu tiên việc thể hiện cảm nhận chủ quan, đôi khi lí tưởng hoá đối tượng được đề cập và coi trọng sự tưởng tượng, liên tưởng phóng túng.

Nói mỉa và nghịch ngữ

Nói mỉa là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.

Trong nói mỉa, người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới nhưng phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bĩu. Nói mỉa chủ yếu được nhận ra nhờ hiệu quả châm biếm mà lời nói mang lại. Trong các yếu tố tạo nên nói mỉa có thể có nghịch ngữ.

Nghịch ngữ là biện pháp tu từ, ở đó, người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh, làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng nào đó, hoặc làm phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gắn kết, nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa. Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

Bài 2: NHỮNG THỂ GIỚI THƠ

***Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ tiêu biểu đã học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như ngôn ngữ hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về văn bản văn học
- Vận dụng được kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích, đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong một bài thơ
- Viết được bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- Biết trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ
- Có thái độ ngưỡng mộ đối với những tấm gương sống đẹp vì đất nước, cộng đồng vì nền nghệ thuật lớn hướng tới con người

TRI THỨC NGŨ VĂN

Biểu tượng

Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản: chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú, gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát.

Biểu tượng thường được hình thành trong khoảng thời gian dài nên ý nghĩa không ngừng được bổ sung và có thể "sống" bên ngoài văn bản. Ngoài khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng, biểu tượng còn thể hiện được những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống. Do đó, quá trình hình thành biểu tượng luôn chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lí văn hóa của dân tộc và thời đại. Trong sáng tác văn học, bên cạnh việc vận dụng những biểu tượng sẵn có, các nhà văn, nhà thơ thường sáng tạo nên những biểu tượng mới mang đậm dấu ấn cá nhân.

Yếu tố siêu thực trong thơ

Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu. Tuy nhiên, từ phía người sáng tác, sự hiện diện của những hình ảnh ấy hoàn toàn mang tính tự nhiên vì chúng gắn với việc "cất lời" của tiềm thức, vô thức. Để khám phá được một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện tượng thông thường dễ thấy, các nhà thơ siêu thực theo đuổi "lối viết tự động", đề ngòi bút "buông" theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức, từ đó, xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế. Yếu tố siêu thực đã xuất hiện thoáng trong một số tác phẩm thơ thời trung đại hoặc thơ dân gian, nhưng chỉ trở thành hiện tượng thẩm mĩ đặc thù trong sáng tác của các nhà thơ theo chủ nghĩa siêu thực hoặc chịu ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa này ở thời hiện đại.

Phong cách cổ điển

Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của một quan niệm về thế giới có tính đặc thù. Theo phong cách này, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình ổn định, có tôn ti trật tự chặt chẽ, vận động theo quy luật tuần hoàn... Từ quan niệm về thế giới như vậy, phong cách cổ điển định hình với các đặc trưng cơ bản: nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhà; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng,

bất biến; luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc thẩm mĩ.

Phong cách lãng mạn

Xét theo nghĩa rộng, phong cách lãng mạn thường được đặt trong tương quan so sánh với phong cách hiện thực, là hai phong cách nghệ thuật đã từng xuất hiện trong sáng tác văn học từ thời cổ đại. Xét theo nghĩa hẹp, phong cách lãng mạn gắn với sự xuất hiện của chủ nghĩa lãng mạn, một trào lưu văn học - nghệ thuật hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. Tùy theo cảm hứng, thái độ của người cầm bút, chủ nghĩa lãng mạn được chia thành hai khuynh hướng: Khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ) và khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng).

Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng, chủ trong thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tình tề và ưa dùng các yếu tố tương phản.

Bài 3

LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Yêu cầu cần đạt

Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản, chỉ ra mối liên hệ của chúng, đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc

Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.

Nhận biết được lỗi logic và lỗi câu mơ hồ, biết cách sửa lỗi và rút kinh nghiệm. Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (quan niệm sống, định hướng tương lai, cách ứng xử trong các mối quan hệ...

Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá dân tộc.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Lập luận trong văn bản nghị luận

Lập luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc về một vấn đề. Giá trị của văn bản nghị luận được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận (cách dùng lí lẽ và bằng chứng) của người viết.

Các thao tác được sử dụng trong văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận thường dùng các thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ để phục vụ trực tiếp cho mục đích thuyết phục. Chứng minh là dùng lí lẽ và bằng chứng giúp người đọc thấy rằng ý kiến được nêu là hoàn toàn có cơ sở, đáng tin cậy. Tuỳ đề tài cụ thể, người viết chọn bằng chứng từ thực tế cuộc sống hoặc từ tài liệu khoa học, báo chí tác phẩm văn học, nghệ thuật,... Bình luận là đánh giá về sự đúng - sai, hay - dở, tốt - xấu, tích cực - tiêu cực của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động... nhằm thể hiện rõ chủ kiến của người viết. Bác bỏ là chỉ ra sự sai lầm, phiến diện hoặc thiếu chính xác của một quan điểm, ý kiến, từ đó cũng có điều được người viết xem là lẽ phải, chân lí.

Bên cạnh đó, văn bản nghị luận cũng có thể dùng những thao tác như giải thích, phân tích, so sánh giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghị luận.

Giải thích là cắt nghĩa về đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm,...) một cách chi tiết, tỉ mỉ, tạo điều kiện cho người đọc hiểu rõ vấn đề được bàn luận trong văn bản. Phân tích là chia tách đối tượng thành nhiều bộ phận, giúp người đọc nhìn thấy rõ hơn các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố tạo nên nó. So sánh là đặt đối tượng này bên cạnh đối tượng khác để nhận ra điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng, qua đó, làm nổi bật nét đặc thù của đối tượng được bàn luận.

Trong bài văn nghị luận, các thao tác trên đây thường được phối hợp với nhau một cách linh hoạt nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.

Lỗi logic của câu

Câu mắc lỗi logic là câu có sự mâu thuẫn trong nội dung biểu đạt hoặc vênh lệch giữa các vế câu xét trên phương diện hình thức. Ví dụ: Hội chợ quốc tế lần này có sự tham gia của các công ti đến từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xin-ga-po (Singapore) và nhiều nước châu Âu khác. Câu này đã vô tình mắc định rằng: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xin-ga-po là những nước châu Âu. Điều này khiến cho câu hỏng về logic.

Lỗi câu mơ hồ

Câu mơ hồ là câu khiến người đọc có thể hiểu theo những cách khác nhau.

Ví dụ: Tôi đồng ý với những đánh giá về truyện ngắn của ông ấy.

Khó xác định câu này muốn đề cập những ý kiến của ông ấy đánh giá về truyện ngắn hay có những ý kiến của người khác đánh giá về truyện ngắn do ông ấy sáng tác.

PHẦN III. Đề minh họa

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(1) *Mảnh vườn tuổi thơ tôi
Có ước mơ đời cha, đời con
Nén vào lòng đất.
Có đắng cay chua chát
Có hàng cây
Qua nắng mưa bão táp
Quả ngọt ngon dâng tặng cho đời
Hòn sỏi gầy nuôi nấng chúng tôi.*

(2) *Người thì đây
Đất chẳng sinh sôi
Anh em chúng tôi bầy ong chia tổ.
Mảnh vườn
San đều nổi nhớ
San đều trái chín ngọt lành
Đôi theo chúng tôi bằng ngàn mắt lá xanh.*

(3) *Chúng tôi ít về với nhau
Ai cũng có mảnh vườn nho nhỏ.
Những ngọt bùi đắng cay ngày đó
Theo với mỗi cuộc đời.*

(4) *Tựa vào cây, chúng tôi đứng thẳng.*

(*Mảnh vườn*, Vũ Hoàng Nam, *Giải thưởng văn học nghệ thuật Sông Thương lần thứ 4*
giai đoạn

2015 – 2020, Hội văn học Nghệ thuật Bắc Giang, NXB Mỹ thuật, 2023, tr.133)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Tìm những từ ngữ miêu tả đặc điểm của *mảnh vườn tuổi thơ* trong khổ thơ (1).

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp điệp ngữ trong những dòng thơ sau:

*Mảnh vườn
San đều nổi nhớ
San đều trái chín ngọt lành
Đôi theo chúng tôi bằng ngàn mắt lá xanh.*

Câu 4. Từ những suy ngẫm của tác giả trong câu "*Tựa vào cây, chúng tôi đứng thẳng*", anh/chị rút ra cho mình bài học về lẽ sống cho bản thân.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) làm rõ vẻ đẹp hình ảnh mảnh vườn tuổi thơ trong bài thơ "*Mảnh vườn*" của Vũ Hoàng Nam.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/ chị về chủ đề: *Yêu những điều giản dị.*

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC HIỂU			4,0
	1	Hướng dẫn chấm: - Thể thơ: <i>Tự do</i> - Trả lời đúng mỗi ý được: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	2	- Những từ ngữ miêu tả đặc điểm mảnh vườn ở khổ 1: <i>có ước mơ đời cha, đời con, có đắng cay chua chát, có hàng cây, nắng mưa bão táp, quả ngọt...</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 3 hình ảnh trở lên: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 1, 2 hình ảnh: 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	3	- Điệp ngữ: <i>san đều</i> (0.5) - Tác dụng: (1.0) + Tạo nhịp điệu cho câu thơ, gợi liên tưởng thú vị cho người đọc về mảnh vườn tuổi thơ + Nhấn mạnh sự công bằng, sự bao dung, sự cao thượng của vườn dành cho những người con xa quê + Thể hiện thái độ biết ơn, trân trọng, nỗi nhớ và tình yêu của tác giả với mảnh vườn tuổi thơ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng mỗi ý: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm. (Học sinh có câu trả lời với cách diễn đạt tương đương được điểm tối đa khi đúng ý)	1.5
	4	Hướng dẫn chấm: - Những câu thơ trên nhấn mạnh suy ngẫm của tác giả, đó là: Những kỉ niệm tuổi thơ, hay quê hương nguồn cội chính là điểm tựa tinh thần giúp	0,5

		con người sống mạnh mẽ, bản lĩnh, trung thực, khẳng khái vượt qua bao thử thách của cuộc đời “<i>Tựa vào cây, chúng tôi đứng thẳng</i>”. - Bài học về lẽ sống: Biết ơn nguồn cội/ sống phải mạnh mẽ, trung thực, bản lĩnh... - <i>Học sinh trình bày rõ như đáp án, mỗi ý được: 0,5 điểm.</i> - <i>Học sinh trình bày chung chung không rõ từng ý thì được: 0,25 điểm.</i> - <i>Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</i>	0,5
II. VIẾT			6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) làm rõ vẻ đẹp hình ảnh mảnh vườn tuổi thơ trong bài thơ "Mảnh vườn" của Vũ Hoàng Nam.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp của hình ảnh mảnh vườn tuổi thơ trong bài thơ "Mảnh vườn" của Vũ Hoàng Nam.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để viết đoạn văn nghị luận về: vẻ đẹp của hình ảnh mảnh vườn tuổi thơ trong bài thơ "Mảnh vườn" của Vũ Hoàng Nam. Sau đây là một số gợi ý: - Mảnh vườn tuổi thơ là nơi cất giữ, nuôi dưỡng những ước mơ của nhiều thế hệ: “<i>Có ước mơ đời cha, đời con/Nén vào lòng đất</i>”. Trải qua nhiều vất vả, thăng trầm “<i>nắng mưa bão táp</i>” mảnh vườn vẫn luôn nghị lực, kiên cường để có “<i>Quả ngọt ngon dâng tặng cho đời</i>”. - Vẻ đẹp của khu vườn còn được thử thách khi những đứa con của vườn phải cách xa. Điều đó được tác giả gợi lên qua những hình ảnh: <i>Mảnh vườn/ San đều nổi nhớ/San đều trái chín ngọt lành/Dỗi theo chúng tôi bằng ngàn mắt lá xanh</i>. - Mảnh vườn còn là điểm tựa tinh thần thiêng liêng, là cội nguồn của sức mạnh để mỗi người con khôn lớn, trưởng thành: “<i>Ai cũng có mảnh vườn nho nhỏ/Những ngọt bùi đắng cay ngày đó/Theo với mỗi cuộc đời/... Tựa vào cây, chúng tôi đứng thẳng</i>”. - Nhà thơ đã sử dụng nghệ thuật: nhân hóa, điệp từ...làm cho những câu thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, giàu cảm xúc. Hình ảnh về mảnh vườn tuổi thơ là kí ức đẹp trong tâm hồn của tác giả Vũ Hoàng Nam. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	0,5

	- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của hình ảnh mảnh vườn tuổi thơ trong bài thơ "Mảnh vườn" của Vũ Hoàng Nam. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng.	
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2	Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn luận về chủ đề: <i>Yêu những điều giản dị.</i>	4,0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Yêu những điều giản dị.</i>	0,5
	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Giải thích vấn đề nghị luận: <i>điều giản dị là gì? Yêu những điều giản dị là như thế nào?</i> - Bàn luận vấn đề, thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: + Yêu những điều giản dị là: Đón nhận, trân trọng, nâng niu những điều bình thường, nhỏ bé, đời thường ở xung quanh cuộc sống của chúng ta: cỏ cây, hoa lá, chim muông, ánh sáng, khí trời, con người, cuộc sống...Tập trung vào cái đẹp của sự đơn giản, ý nghĩa, có giá trị. + Yêu những điều giản dị sẽ giúp chúng ta sống an vui trong từng khoảnh khắc, sống hạnh phúc, sống vui khỏe, có ích, sống được là mình... + Yêu những điều giản dị tâm hồn ta sẽ giàu có và đẹp hơn mỗi ngày... - Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện...	1,0

	* Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.	
	d. <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,5
	đ. <i>Diễn đạt</i> Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

PHẦN IV: ĐỀ LUYỆN TẬP

ĐỀ 1

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

...Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn
Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui
Tiến bước mà đánh mất mình. Con ơi, dừng lại
Lùi bước để hiểu mình. Con cứ lùi thêm nhiều bước nữa
Chẳng sao
Hãy ngược nhìn lên cao để thấy mình còn thấp
Nhìn xuống thấp. Để biết mình chưa cao.

Con hãy nghĩ về tương lai. Nhưng đừng quên quá khứ
Hy vọng vào ngày mai. Nhưng đừng buông xuôi hôm nay
May rủi là chuyện cuộc đời. Nhưng cuộc đời nào chỉ chuyện rủi may
Hãy nói thật ít. Làm thật nhiều – những điều có nghĩa của trái tim.

...

Hãy hân hoan với điều nhân nghĩa
Đừng lạnh lùng trước chuyện bất nhân
Và hãy tin vào điều có thật:
Con người - sống để yêu thương.

(Trích *Gửi con, Ru cho một thuở*, Bùi Nguyễn Trường Kiên, NXB Văn hóa-Nghệ thuật, 2015)

Chú thích

Bùi Nguyễn Trường Kiên sinh năm 1956, là nhà báo, nhà thơ, nhà văn, nhà giáo, có nhiều đóng góp cho nền nghệ thuật nước nhà với 11 giải thưởng báo chí và 4 giải thưởng về thơ văn.

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

Câu 2. Xác định chủ thể trữ tình trong đoạn trích trên.

Câu 3. Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đối lập trong hai dòng thơ:

Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn

Đừng quá buồn. Sẽ có lúc vui.

Câu 4: Trong đoạn trích, tác giả bày tỏ: *Con người - sống để yêu thương*. Hãy nêu quan điểm của anh/chị về suy nghĩ trên.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích, đánh giá đặc điểm nghệ thuật của đoạn trích trong phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4.0 điểm)

Với người trẻ, được học đại học, được cầm tấm bằng đẹp trong tay là cơ hội hay thách thức? Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trả lời câu hỏi trên.

ĐỀ 2

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

[...] *Phương tiện của truyền hình (và cả video nữa) là hình ảnh nghe nhìn. Ưu thế của hình ảnh nghe nhìn là hấp dẫn và dễ tiếp nhận, không đòi hỏi nỗ lực tích cực của trí tuệ để tiếp nhận. Buồn ngủ rồi ra vẫn có thể ngồi xem tivi. Đọc sách thì rất khác, phải có nỗ lực của trí tuệ - nhiều khi phải đọc đi đọc lại, ngẫm nghĩ – thì mới tiếp thu được. Ấn tượng của hình ảnh ngôn từ bền và sâu hơn ấn tượng của hình ảnh nghe nhìn vì nó kích thích và đòi hỏi sự nỗ lực tích cực của trí tuệ. Cách đây không lâu tôi xem trên truyền hình bộ phim Tây sương kí. Lúc xem thấy vui vui, có những đoạn lí thú nhưng xem xong hầu như không nhớ gì, đến nay thì quên sạch. Nhưng câu Kiều “Mái tây để lạnh hương nguyên – Cho duyên đầm thắm ra duyên bề bàng” tôi đọc từ thời trung học, đến nay qua nửa thế kỉ vẫn nhớ, vẫn ngân nga, xao xuyến, đậm đà ý vị. Độ với phim truyền hình, cán cân nghiêng hẳn về câu thơ này. Những năm gần đây truyền hình chiếu nhiều bộ phim hay. Ngày nay, trong một tháng, khán giả truyền hình đã được xem một số lượng phim hay nhiều hơn. Tuy nhiên, riêng tôi, đã được xem và thích thú với nhiều bộ phim, nhưng điểm lại thì không nhớ được bao nhiêu. Có thể hình ảnh nghe nhìn đâu đó phát huy năng lực trực giác và để lại những dấu ấn trong vô thức. Nhưng trí tuệ về cơ bản phải được rèn luyện và phát triển bằng đọc sách. Không phải hình ảnh nghe nhìn mà chữ và ngôn từ mới tạo ra cái cột vững chãi cho trí tuệ [...]*

(Trích *Văn hóa và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách con người – Triết lí văn hóa và triết luận văn chương*, Hoàng Ngọc Hiến, NXB Giáo dục, 2010)

Trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

Câu 1. (0,75 điểm) Câu văn nào nêu chủ đề của đoạn trích?

Câu 2. (0,75 điểm) Câu “*Ấn tượng của hình ảnh ngôn từ bền và sâu hơn ấn tượng của hình ảnh nghe nhìn vì nó kích thích và đòi hỏi sự nỗ lực tích cực của trí tuệ*” thuộc loại luận cứ nào?

Câu 3. (1,5 điểm) Tác giả đưa dẫn chứng so sánh về việc xem phim *Tây sương kí* và việc đọc *Truyện Kiều* nhằm mục đích gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Chia sẻ của tác giả về trải nghiệm khi xem phim truyền hình giúp người đọc rút ra bài học gì?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của Anh/ chị về vai trò của việc đọc sách đối với người trẻ.

Câu 2. (4,0 điểm)

Cho hai đoạn thơ sau

“*Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*”

(Trích *Mẹ và quả* - Nguyễn Khoa Điềm)

“*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*”

(Trích *Trong lời mẹ hát* – Trương Nam Hương)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) so sánh, đánh giá hình ảnh người mẹ trong hai đoạn thơ trên.

ĐỀ 3

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Con về thăm mẹ đêm mưa
Mới hay nhà dột. Gió lùa bốn bên
Mưa rơi sợi thẳng, sợi xiên
Cứ nhằm vào mẹ những đêm trắng trời*

*Con đi đánh giặc suốt đời
Mà không che nổi một nơi mẹ nằm.*

(*Đêm mưa*, Tô Hoàn, *Thơ Bắc Giang thế kỉ XX*, NXB Hội Nhà văn, 2002, tr.231)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

Câu 1. Xác định chủ thể trữ tình trong bài thơ.

Câu 2. Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong những dòng thơ sau:

Mưa rơi sợi thẳng, sợi xiên

Cứ nhăm vào mẹ những đêm trắng trời

Câu 4. Từ những hiểu biết về lịch sử, văn hóa đất nước, anh/chị hãy lí giải mối quan hệ giữa *cái riêng* và *cái chung* được nói đến trong hai câu thơ cuối bài.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích đặc điểm nghệ thuật của bài thơ *Đêm mưa* (Tô Hoàn).

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: Công nghệ AI – cơ hội và thách thức đối với thanh niên trong thời đại ngày nay.

ĐỀ 4

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Chim én đi suốt mùa đông

Để thấy mùa xuân trong chồi lá

Con thuyền vượt qua biển cả

đến bến bờ xa vời...

Con người - suốt cả cuộc đời

Tìm chỗ đứng cho mình để sống

Để thấy mình không lạc lõng

Một chỗ nhỏ trong biển đời bao la rộng lớn

Có là bao - nhỏ xíu

Nhưng biển đời bề bộn ồn ào

Tìm đúng chỗ của mình thật khó

Chỉ một chỗ đứng chân nho nhỏ

Nhưng phải đứng của mình

Như bến của thuyền, như én với mùa xuân

Bởi vì sống chẳng đơn thuần là tồn tại...

(Trích *Chỗ đứng*, Nguyễn Quang Hà, in trong tập *Dấu chân phía trước*, Nxb Văn học 1977)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Mục đích của *chim én*, *con thuyền*, *con người* trong hành trình của mình là gì?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ:

Chỉ một chỗ đứng chân nho nhỏ

Nhưng phải đứng của mình

Như bến của thuyền, như én với mùa xuân

Câu 4. Hãy trình bày thông điệp có ý nghĩa nhất đối với anh/chị qua văn bản trên.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích và đánh giá hình ảnh mang tính biểu tượng "chỗ đứng".

Câu 2 (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn về vấn đề: Tuổi trẻ cần sống trong thế chủ động.

ĐỀ 5

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Trong cuộc sống, có những người dù có tài và học thức cao nhưng vẫn không thành công. Ngược lại, có những người tuy rất bình thường nhưng thành công vẫn luôn mỉm cười với họ. Chuyện thành - bại, hay được - mất phụ thuộc rất lớn vào thái độ sống của mỗi chúng ta. Ai đó từng nói rằng "tương lai thuộc về người biết đón nhận và giữ lấy nó". Thật vậy, không ít người dù trong khó khăn vẫn luôn tìm thấy cơ hội cho mình, nhưng cũng không ít người khi cơ hội đến, họ lại chần chừ, rồi bỏ qua vì ngại gian khổ. Có người vượt qua trở ngại bằng thái độ lạc quan, lại có người chao đảo bởi những ý nghĩ tiêu cực. Bởi vậy, không quá khi nói rằng thái độ đóng vai trò quyết định chuyện thành - bại của mỗi người.

Không đơn giản là yếu tố thuộc về cảm xúc, cũng không phải là kết quả của bất kỳ tác động bên ngoài nào, thái độ là yếu tố thuộc về nhân sinh quan của chúng ta. Thái độ quyết định cách chúng ta hành động, quyết định sự gắn bó khăng khít trong các mối quan hệ. Nó có khả năng biến trở ngại thành cơ hội, chuyển thất bại sang thành công. Một thái độ đúng đắn sẽ mở ra một tương lai tươi sáng, khiến cho cuộc sống hiện tại tràn đầy sức sống và tin yêu. Đó chắc chắn không phải là cái đích quá xa so với khả năng của con người. Chỉ cần một vài điều chỉnh nhỏ, bạn hoàn toàn có thể xoay chuyển mọi việc theo chiều hướng tốt đẹp.

(Trích từ cuốn sách “Thái độ quyết định thành công” -

Wayne Cordeiro - NXB Tổng hợp thành phố HCM, 2016)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Ngoài thao tác phân tích, văn bản còn sử dụng kết hợp thao tác lập luận nào?

Câu 2. Theo tác giả bài viết, chuyện thành - bại, hay được - mất phụ thuộc rất lớn vào điều gì?

Câu 3. Việc sử dụng phép điệp trong câu văn *Thái độ quyết định cách chúng ta hành động, quyết định sự gắn bó khăng khít trong các mối quan hệ* có tác dụng gì?

Câu 4. Anh /chị rút ra được bài học gì từ văn bản trên?

II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về những biểu hiện của thái độ sống tích cực trong giới trẻ hiện nay.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong truyện “Những ngôi sao xa xôi”, Lê Minh Khuê viết về nhân vật Phương Định như sau:

(Lược dẫn: Phương Định (nhân vật “tôi”) cùng Nho và chị Thao là ba cô thanh niên xung phong làm nhiệm vụ trên một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nhiệm vụ của họ là quan sát vị trí địch ném bom, đo khối lượng đất, đá và san lấp, đánh dấu những trái bom chưa nổ. Tuy công việc gian khổ, hiểm nguy luôn rình rập nhưng cả ba cô gái đều hết lòng với công việc. Trong cuộc sống đời thường, họ là những cô gái trẻ trung, yêu đời, cũng có những phút giây mộng mơ, lãng mạn.)

... Tôi, một quả bom trên đồi. Nho hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm barie cũ. Vắng lặng đến phát sợ. Cây cối còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vạt vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi lom khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới. Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cú vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng. Chị Thao thổi còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nắp của mình. Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi tiếng động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom... Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu. (...)

(Trích “Những ngôi sao xa xôi”, Lê Minh Khuê- Tập truyện ngắn, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2001)

Trong truyện “Mảnh trăng cuối rừng”, Nguyễn Minh Châu viết về nhân vật Nguyệt như sau:

(Lược dẫn: Trong thời kỳ chống Mỹ, trên đường ra mặt trận, Lãm - người lái xe quân sự- cho cô công nhân giao thông tên là Nguyệt đi nhờ. Cô gái ấy tình nguyện dẫn đường cho Lãm đưa

chiếc xe vượt qua đoạn đường ngầm thật vất vả. Ngay sau đó, phi cơ địch bắn dữ dội, nhưng Nguyệt vẫn bình tĩnh, linh hoạt hướng dẫn Lâm và xe vượt qua nguy hiểm. Cuối cùng, hai người cứu được chiếc xe chở hàng quân sự ra khỏi vùng lửa đạn. Lâm đoán rằng cô gái ấy chính là Nguyệt, người con gái mà chị Tính – chị gái của anh- giới thiệu cho anh. Rồi họ chia tay trong niềm lưu luyến....)

Một làn nước hiện ra trước mặt. Đoạn ngầm Đá Xanh ngắn thôi, nhưng mấy hôm trước mưa lũ, nước dâng cao trên mặt đá đến hơn một mét. Vừa đánh xe xuống, đã nghe nước tràn vào ống xả hơi ừng ực. Chiếc xe lắc điên đảo, lúc ngoi lên lúc sụp xuống như một con trâu nước dữ tợn. ánh đèn chiếu sáng mặt nước loang loáng. Ra đến quá nửa ngầm thì nước sâu quá, xe không đi được nữa. Nguyệt đứng bám bên cánh cửa hướng dẫn cho tôi đi đúng giữa hai hàng cọc tiêu. Cô vội nhảy ùm xuống nước, bảo tôi tắt đèn.

- Có máy bay à?

- Để em nghe kỹ xem đã. Anh cứ tắt đèn đi. Loáng đèn dưới nước trông xa lắm đấy!

Đèn tắt. Chưa bao giờ trời tối đến thế, chỉ nghe tiếng nước vỗ ù oạp vào tai xe. Tôi cố tiến, lùi nhưng xe chỉ lắc lư, vòng lái nặng như cối đá. Giữa đêm lạnh mà quần áo tôi ướt đầm. Nguyệt để cả quần áo thế, nhanh nhẹn lội phăng sang bên kia bờ giúp tôi cột dây tời vào một gốc cây. Tôi xoay sở như đánh vật một lúc, cuối cùng cũng đưa chiếc xe leo lên được tới quãng đường rải đá khắp khảnh. Chúng tôi thở không ra hơi, đang mò mẫm cuốn dây tời thì máy bay đến. Từ sau rặng núi đá dựng đứng bên trái, bọn chúng ập đến như tiếng sét. Tiếng máy bay ầm ầm. Tôi vút vòng dây sắt nặng trĩu trên tay, chạy nhào về phía xe. Vừa chạy được hai bước, tôi đã bị Nguyệt túm trở lại, nhanh và khỏe hết sức. Nguyệt đẩy tôi ngã vào giữa một vật gì rất cứng và sâu. Nghe hơi thở và tiếng nói của Nguyệt rất bình tĩnh: "Chúng đánh toả độ đấy!".

(...) Qua một quãng khó đi và tối quá, Nguyệt nhảy xuống đi dò trước. Tôi cứ nhằm cái bóng trắng nhờ nhờ của Nguyệt trước mặt mà lái theo. Lên quá độ hai kilômét, tôi dừng xe nép vào bên một "ta luy" cao có cây rậm. Tôi bật đèn buồng lái. Cái tôi trông thấy đầu tiên là có vết máu bên vai Nguyệt, vết máu chảy xuống đổ cả cánh tay áo xanh.

(...) Nguyệt nhìn vết thương, cười. Khuôn mặt hơi tái nhưng vẫn tươi tỉnh và xinh đẹp. Từ đầu đến chân, cô ta ướt như một con công vừa tắm. Tôi rút chiếc mùi xoa đầy vết dầu mỡ trong túi, buộc ngoài lần áo xanh để cầm máu. Tôi đề nghị đưa Nguyệt sang bên kia ngầm về đơn vị, nhưng Nguyệt gạt đi:

- Đây là giang sơn của em rồi. Anh đi đi, không trời sáng mất! - Rồi Nguyệt lại cười: - Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sưng da thôi. Từ giờ đến sáng, em có thể đi lên đến tận trời được!

(Trích *Mảnh trăng cuối rừng* Nguyễn Minh Châu- Truyện ngắn, NXB Văn học, Hà Nội, 2003.)

Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) so sánh nhân vật Phương Định và nhân vật Nguyệt trong hai đoạn trích truyện trên.

ĐỀ 6

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Mẹ sầu đau nghiêng xuống bên mình, vụt một cái tôi ngồi ngay dậy. Trong mắt lớn vờn từng chùm bóng tối, trong hồn xao xuyến cả trời mây chưa rụng của chiêm bao. Sợ em tôi nằm xuống giường chẳng mẹ ngọt ngào đã bảo:

- Dậy thôi con ! Dậy thôi ! Còn lễ giao thừa...

Tôi vội vã nhìn ra sân gạch. Nền một chiếc nhà đổ trong năm bão, chỗ ấy, hàng năm, được thầy tôi dùng làm đàn tế hành khiển hay dương sao. Trên nền lớn nhỏ khác nhau, ba chiếc án kê theo ba tầng cao thấp. Trên án, chén tinh thành của chất nước trong, cây nguyện vọng của mùi hương ngát và hai mươi tám ngọn Thơ, hai mươi tám ánh nến lung linh nổi lửa giữa trời. Nhị thập bát tú lấy đó làm tượng trưng và dấu hiệu. Một vui tươi vô nghĩa như màu hoa sắc lá vụt chiếm lĩnh hồn tôi. Nhảy phăng xuống giường, tôi định chạy ra sân gạch. Nhưng giữ ngay tôi lại mẹ tôi đã bảo một lần nữa ngọt ngào :

- Con không phải đi. Thau rửa mặt đã có đây rồi. Rửa muối lại cho sáng mắt. Nước súc miệng cùng mức sẵn cho con kia.

Tình thương mẹ ở tôi vụt sáng lên như nến. Tôi đã mang ơn mẹ quá nhiều. Giao thừa đến với mùa xuân, mùa xuân hiện cùng ngày tháng - sao không hiện ra cơ hội nào đặc biệt, để tình thương tôi trút hết những gì chứa đọng ngang lòng. Đứng im mẹ sẽ nhìn từng cử chỉ của tôi, làm như tôi còn bé bỏng. Quen ôm ấp trên tay, các bà mẹ không bao giờ nhớ con mình đã lớn, quên tuổi tác, quên cả cái làm già chúng hơn tuổi tác – khổ đau, tội lỗi những thứ tháng ngày riêng.

Mẹ đưa cho mấy chiếc quần áo vừa lấy ở hòm. Đường ủi quá thẳng khiến tôi ngáp ngừng tự hỏi: Minh sẽ mở ra sao ? Rồi run run tôi dỡ từng nét gấp... một hơi lạnh lẫn với mùi thơm bốc lên phảng phất... và cũng là một tình thương đầy nữa, lòng ơi !...

(Chế Lan Viên, trích *Đêm giao thừa*, Hợp tuyển thơ văn Việt Nam (1920 – 1945), Tập V quyển III, NXB Văn học, tr. 1046 – 1047)

Tác giả: *Chế Lan Viên* (1920 – 1989), tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, quê gốc ở xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ông là nhà thơ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam. Không những thành công ở thể loại thơ, Chế Lan Viên còn để lại dấu ấn đậm nét ở thể loại bút kí, tản văn, tiểu luận phê bình. Văn chương của ông có phong cách độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, giàu chất suy tưởng triết lí về thế giới hình ảnh phong phú.

Tác phẩm: *Đêm giao thừa* rút ra từ tập *Vàng sao* (1942), một tập tản văn kết tinh quan điểm nghệ thuật của Chế Lan Viên giai đoạn trước Cách mạng. Ở đó, ta thấy một thế giới huyền bí, tương giao tương ứng giữa vũ trụ và tâm linh con người.

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Hãy tóm lược nội dung của đoạn trích trên.

Câu 2. Liệt kê các trạng thái tâm lí, tình cảm của nhân vật “tôi”.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ chính được sử dụng trong câu văn sau: *Trong mắt lớn vờn từng chùm bóng tối, trong hồn xao xuyến cả trời mây chưa rụng của chiêm bao.*

Câu 4. *Quen ôm ấp trên tay, các bà mẹ không bao giờ nhớ con mình đã lớn, quên tuổi tác, quên cả cái làm già chúng hơn tuổi tác - khổ đau, tội lỗi những thứ tháng ngày riêng.* Anh/chị có đồng tình với cách cư xử của người mẹ đối với con cái như trong câu văn trên không? Lí giải vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Qua một vài biểu hiện cụ thể về ngôn ngữ, chi tiết, sự việc,... anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hiệu quả của sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong đoạn trích *Đêm giao thừa* (Chế Lan Viên).

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) bàn về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong xã hội hiện nay.

-----**HẾT**-----